

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6-CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2026/DS-ST
Ngày: 16-3-2026
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6-CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Hà.

Ông Thạch Văn Hoà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6-Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6-Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2026/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh ngày 05/10/1991, CCCD: 093091005267;

Địa chỉ: Số 179, đường N, phường C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị Thuỳ D, sinh ngày 06/8/1991, CCCD: 093191009625;

Địa chỉ: Số 4, đường H, phường N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Quốc K, sinh ngày 01/01/1984, CCCD: 094084014746;

Địa chỉ: ấp T, xã L, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị S, sinh ngày 01/01/ 1986, CCCD: 094186012469;

Địa chỉ: ấp T, xã L, thành phố Cần Thơ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 10 năm 2025 và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Thuỳ D trình bày:

Ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Quốc K có mối quan hệ bà con họ hàng, do ông Nguyễn Văn P tin tưởng ông Nguyễn Quốc K nên đã hợp tác làm ăn. Ngày 12 tháng 11 năm 2024, ông P và ông K có Biên bản thỏa thuận hợp tác làm ăn, nội dung thỏa thuận, ông Nguyễn Văn P là người đầu tư tiền, ông K chịu trách nhiệm thu mua mía của các hộ dân khu vực huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng sau đó bán lại cho nhà máy đường Sóc Trăng với các điều kiện như đã thống nhất, thỏa thuận trong biên bản mà hai bên đã lập và ký tên.

Sau khi kí kết thỏa thuận thì, ông P đã nhiều lần chuyển tiền qua tài khoản của ông K và trực tiếp đưa tiền mặt với tổng số tiền là 6.884.103.000 đồng (sáu tỷ tám trăm tám mươi tư triệu một trăm lẻ ba ngàn đồng), tính đến ngày 05 tháng 05 năm 2025. Nhưng bên ông K chỉ bán cho ông Nguyễn Văn P tổng sản lượng mía tương ứng với số tiền là 6.497.187.640 đồng (sáu tỷ bốn trăm chín mươi bảy triệu một trăm tám mươi bảy ngàn sáu trăm bốn mươi đồng). Do đó ông K còn nợ lại ông P với số tiền là 386.915.360 đồng (ba trăm tám mươi sáu triệu chín trăm mười lăm ngàn ba trăm sáu mươi đồng) tương ứng với số lượng mía ông K chưa bán cho ông Nguyễn Văn P. Mặc dù, ông K vẫn còn mía và chưa hoàn thành nghĩa vụ như cam kết mà ông K đã ký mà đã bán cho chủ đầu tư khác trong giai đoạn hai bên còn thời gian thỏa thuận.

Đến ngày 06 tháng 5 năm 2025 ông K có ra phiếu Lệnh thu hoạch và vận chuyển mía cho ông P, yêu cầu ông P chuyển khoản thêm 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), nhưng ông Nguyễn Văn P không chuyển thêm vì ông P đã ứng cho ông K trước đó dư nợ đến 386.915.360 đồng. Ông P yêu cầu ông K thực hiện theo đúng hợp đồng, ông K phải có nghĩa vụ bán mía cho ông P để trừ lại phần dư nợ đã ứng trước.

Khi thấy quyền lợi của ông P bị ảnh hưởng, nên ngày 13 tháng 05 năm 2025, ông P gặp ông K để ký xác nhận nợ, yêu cầu ông K ký cam kết trả tiền nợ cho ông P với tổng số tiền là 386.915.360 đồng khi nhà máy đường Sóc Trăng ngưng tiếp nhận sẽ thanh toán đủ số nợ trên cho ông P.

Ngày 20 tháng 05 năm 2025 nhà máy đường Sóc Trăng ngưng hoạt động nhưng ông K vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông P. Ngày 15 tháng 07 năm 2025, ông P có đơn đề nghị hòa giải đến chính quyền địa phương và ngày 31 tháng 7 năm 2025, chính quyền địa phương đã tiến hành giải quyết yêu cầu của ông P. Trong biên bản hòa giải ông K đã thừa nhận vẫn còn thiếu tiền làm ăn với ông P là 386.915.360 đồng và hứa sẽ trả dần cho hết nợ. Nhưng từ khi hứa đến nay thì ông K chỉ thanh toán cho ông P được 5.800.000 đồng tiền lãi, chưa trả tiền gốc.

Nay ông Nguyễn Văn P yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm: Buộc ông Nguyễn Quốc K và bà Nguyễn Thị S cùng liên đới thực hiện đúng biên bản thỏa thuận, văn bản xác nhận nợ, trả lại số tiền nợ cho ông Nguyễn Văn P với số nợ gốc là 386.915.360 đồng (ba trăm tám mươi sáu triệu chín trăm mười lăm ngàn ba trăm sáu mươi đồng) và tiền lãi tính từ ngày 30/6/2025 đến ngày 16/3/2026 làm tròn 8 tháng, với mức lãi suất 1,5%/tháng là 46.429.843 đồng (bốn mươi sáu triệu, bốn

trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm bốn mươi ba đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 433.345.203 đồng (bốn trăm ba mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm lẻ ba đồng).

- Bị đơn ông Nguyễn Quốc K và bà Nguyễn Thị S trình bày:

Trước yêu cầu của ông P thì các bị đơn ông Nguyễn Quốc K và bà Nguyễn Thị S thừa nhận hiện nay còn nợ số tiền gốc 386.915.360 đồng (ba trăm tám mươi sáu triệu chín trăm mười lăm ngàn ba trăm sáu mươi đồng) và tiền lãi 46.429.843 đồng (bốn mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm bốn mươi ba đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 433.345.203 đồng (bốn trăm ba mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm lẻ ba đồng, nhưng hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên yêu cầu nguyên đơn ông Nguyễn Văn P xem xét cho vợ chồng ông bà được trả dần khoản nợ trên hàng tháng, mỗi tháng 5.000.000 đồng, cho đến khi tất nợ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án, việc nguyên đơn ông Nguyễn Văn P khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc các bị đơn ông Nguyễn Quốc K và bà Nguyễn Thị S số nợ gốc là 386.915.360 đồng (ba trăm tám mươi sáu triệu chín trăm mười lăm ngàn ba trăm sáu mươi đồng) và tiền lãi tính từ ngày 30/6/2025 đến ngày 16/3/2026 làm tròn 8 tháng, với mức lãi suất 1,5%/tháng là 46.429.843 đồng (bốn mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm bốn mươi ba đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 433.345.203 đồng (bốn trăm ba mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm lẻ ba đồng). Thấy yêu cầu trên là phù hợp theo quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án của Toà án: ông Nguyễn Văn P khởi kiện yêu cầu các bị đơn ông Nguyễn Quốc K và bà Nguyễn Thị S trả cho ông P số nợ gốc là 386.915.360 đồng (ba trăm tám mươi sáu triệu chín trăm mười lăm ngàn ba trăm sáu mươi đồng) và tiền lãi tính từ ngày 30/6/2025 đến ngày 16/3/2026 làm tròn 8 tháng, với mức lãi suất 1,5%/tháng là 46.429.843 đồng (bốn mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm bốn

mười ba đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 433.345.203 đồng (bốn trăm ba mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm lẻ ba đồng) nên căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp “đòi lại tài sản”. Các bị đơn ông Nguyễn Quốc K và bà Nguyễn Thị S có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã L, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, Đối thoại tại Toà án ngày 25 tháng 6 năm 2025. Hội đồng xét xử xác định việc Toà án nhân dân khu vực 6-Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn P cung cấp “Biên bản thoả thuận lập ngày 12/11/2024; Biên bản hoà giải lập ngày 31/7/2025” có chữ ký và chữ viết của bị đơn ông Nguyễn Quốc K, nội dung thể hiện nguyên đơn ông P có giao tiền cho ông K để ông K mua mía của các hộ dân tại Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Đồng thời, sự việc này các bị đơn ông Khởi, bà Sơn đều thừa nhận nên phù hợp với quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự *quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh*. Như vậy, có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng, các bên tiến hành giao kết trên nguyên tắc tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Tại phiên tòa hôm nay các bị đơn yêu cầu được trả dần khoản nợ 433.345.203 đồng (bốn trăm ba mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm lẻ ba đồng) cho nguyên đơn theo hằng tháng, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng/tháng, trả cho đến khi tất khoản nợ trên nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý và yêu cầu các bị đơn trả một lần dứt khoản nợ trên.

[2.3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P, buộc các bị đơn ông Nguyễn Quốc K và bà Nguyễn Thị S phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số nợ gốc là 386.915.360 đồng (ba trăm tám mươi sáu triệu chín trăm mười lăm ngàn ba trăm sáu mươi đồng) và tiền lãi tính từ ngày 30/6/2025 đến ngày 16/3/2026 làm tròn 8 tháng, với mức lãi suất 1,5%/tháng là 46.429.843 đồng (bốn mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm bốn mươi ba đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 433.345.203 đồng (bốn trăm ba mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm lẻ ba đồng).

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án nên các bị đơn ông Nguyễn Quốc K và bà Nguyễn Thị S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $5\% \times 433.345.203 \text{ đồng} = 21.333.808 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; khoản 2 Điều 235; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, Đối thoại tại Toà án ngày 25 tháng 6 năm 2025.

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P.

2. Xử buộc các bị đơn ông Nguyễn Quốc K và bà Nguyễn Thị S phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn P số nợ gốc là 386.915.360 đồng (ba trăm tám mươi sáu triệu chín trăm mười lăm ngàn ba trăm sáu mươi đồng) và tiền lãi tính từ ngày 30/6/2025 đến ngày 16/3/2026 làm tròn 8 tháng, với mức lãi suất 1,5%/tháng là 46.429.843 đồng (bốn mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm bốn mươi ba đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 433.345.203 đồng (bốn trăm ba mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm lẻ ba đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn ông Nguyễn Văn P có đơn yêu cầu Thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng các bị đơn ông Nguyễn Quốc K và bà Nguyễn Thị S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P không phải chịu án phí. Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn P tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 10.203.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008368 ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 6, Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Các bị đơn ông Nguyễn Quốc K và bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.333.808 đồng.

4. Nguyên đơn; các bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

Nơi nhận

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 6-Cần Thơ;
- Phòng THAKV6, THADS TPCT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Hồng

